

# BÀI THUYẾT TRÌNH NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

## **CHƯƠNG 6: KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU**

GVHD: PHẠM THỊ NGỌC ANH  
THỰC HIỆN: NHÓM 4 – LỚP KK3010703

# DANH SÁCH NHÓM

❁ Dương Tuấn Anh

❁ Đinh Tiến Đức

❁ Lê Thành Đạt

❁ Trần Thị Thúy Trúc

❁ Đỗ Thị Thạch Thảo

❁ Lâm Hồng Nhung

❁ Nguyễn Thị Minh Trang

# NỘI DUNG BÀI THUYẾT TRÌNH

I/.KHÁI QUÁT VỀ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU

# I/.KHÁI QUÁT VỀ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh lâu dài và liên tục của các doanh nghiệp là quá trình phát sinh vô số các nghiệp vụ kinh tế, tài chính làm tăng, giảm tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của đơn vị. Các hoạt động này thường được phân chia theo các quá trình kinh doanh chủ yếu. Tùy thuộc vào chức năng hoạt động của mỗi doanh nghiệp mà có các quá trình kinh doanh chủ yếu khác nhau:

## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU

- Đối với các DN sản xuất thì quá trình kinh doanh chủ yếu là: mua vật liệu, sản xuất và bán hàng.
- Đối với các DN thương mại thì quá trình kinh doanh chủ yếu là: mua hàng và bán hàng.
- Đối với các DN ở cả 2 lĩnh vực thì quá trình kinh doanh chủ yếu của cả DN sản xuất và DN mua hàng hóa.

# I. KHÁI QUÁT VỀ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

- Đối với các DN dịch vụ thì quá trình kinh doanh chủ yếu cũng là quá trình cung cấp; quá trình sản xuất và quá trình tiêu thụ sản phẩm. → DN dịch vụ chỉ có 2 quá trình kinh doanh chủ yếu là quá trình cung cấp và quá trình tiêu thụ sản phẩm.

Kế toán có nhiệm vụ là thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo từng quá trình kinh doanh chủ yếu để cung cấp thông tin nhằm đánh giá chất lượng và hiệu quả sử dụng vốn ở từng khâu, từng vụ việc trong toàn bộ hoạt động kinh doanh của DN.

# I/.KHÁI QUÁT VỀ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Quá trình vào sổ cũng đồng thời là quá trình tập hợp số liệu, rút ra các chỉ tiêu phục vụ yêu cầu quản lí hoạt động sản xuất kinh doanh của DN thông qua các phương pháp đánh giá và tính toán cụ thể. Nghiên cứu kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu giúp thấy rõ mối quan hệ giữa các phương pháp kế toán và tác dụng của từng phương pháp trong vấn đề kiểm tra, giám đốc trước, trong và sau khi thực hiện các hoạt động kinh doanh cũng như quy trình công tác kế toán nói chung trong DN.

# II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU

## 1/.Kế Toán Quá Trình Mua Hàng

### a/. Khái niệm quá trình mua hàng:

Quá trình mua hàng là quá trình thu mua và dự trữ các loại nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa,... nhằm đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của các DN có thể tiến hành một cách bình thường và liên tục.



# II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

## CHỦ YẾU(Tiếp...)

### b/. Nhiệm vụ kế toán trong quá trình mua hàng:

- Phản ánh chính xác, kịp thời đầy đủ tình hình thu mua, kết quả thu mua trên các số lượng, chất lượng, giá cả,...Và phải tính được giá gốc của các loại tài sản mua về.

- Phản ánh và kiểm tra tình hình bảo quản, sử dụng các loại tài sản của doanh nghiệp, phát hiện và ngăn ngừa các hành vi tham ô,lãng phí.

## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

c/.Tài khoản kế toán sử dụng (Các TK 151, 152, 153, 156, 1331):

★ Tài khoản 152, 153, 156:

- *Công dụng*: TK 152, 153 , 156 dùng để theo dõi giá trị hiện có, tình hình biến động của các loại nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa ở đơn vị theo giá thực tế.

## II.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

- *Kết cấu và nội dung TK:*

TK 152, 153, 156

SD: Tồn kho đầu kỳ

Xuất trong kỳ

Nhập trong kỳ

Tổng nhập trong kỳ

Tổng xuất trong kỳ

SD: Tồn kho cuối kỳ

# II.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

Ví Dụ 1: Hàng hóa: 10/9 20 triệu

3/9 Mua hàng hóa trả bằng tiền gửi ngân hàng: 15 triệu

5/9 Mua chịu (chưa trả tiền cho người bán): 20 triệu

7/9 Xuất kho hàng để bán : 10 triệu

(ĐVT: đồng)

Nợ	Công cụ, dụng cụ	Có
	20 triệu	10 triệu (7/9)
(3/9)	15 triệu	
(5/9)	20 triệu	
	35 triệu	10 triệu
	45 triệu	

## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

### ★ **Tài khoản 151 – Hàng mua đang đi trên đường:**

- *Công dụng:* TK này dùng để theo dõi các loại hàng hoá, vật tư mà đơn vị đã mua hoặc chấp nhận mua nhưng cuối kỳ hàng vẫn chưa về nhập kho.
- *Kết cấu và nội dung TK:*

# II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

## CHỦ YẾU(Tiếp...)

TK 151

SD: Trị giá hàng đi đường đầu kỳ	Trị giá hàng đi đường kỳ trước về nhập kho
Trị giá hàng đang đi đường tăng thêm trong kỳ	
Tổng trị giá hàng đang đi đường tăng thêm trong kỳ	Tổng trị giá hàng đang đi đường kỳ trước về nhập kho
SD: Trị giá hàng đang đi đường cuối kỳ	

# II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

## CHỦ YẾU(Tiếp...)

★ **Tài khoản 133 – Thuế GTGT được khấu trừ:**

TK 133

SD: Số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ lúc đầu vào	Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ hay đã được hoàn lại trong kỳ
Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ phát sinh trong kỳ	
Tổng số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ phát sinh trong kỳ	Tổng số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ hay đã được hoàn lại trong kỳ

## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

d/.Định khoản kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu:

Theo phương pháp kê khai thường xuyên:

★ Kế toán nhập kho:

- Căn cứ vào chứng từ gốc có liên quan:

Nợ TK 152, 153 ,156

Nợ TK 133

Có TK 111, 112 , 141 , 331

VD: Mua nguyên vật liệu sắt nhập kho, giá mua kể cả thuế GTGT 10% là 10.000.000 đồng. Đã thanh toán bằng tiền mặt.



## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

<u>Ta có:</u>	Nợ 152	9.000.000 đ
	Nợ 133	1.000.000 đ
	Có 111	10.000.000 đ

- Căn cứ vào chứng từ chi phí thu mua: ghi như trên

VD: Doanh nghiệp rút tiền gửi ngân hàng mua hàng hóa nhập kho, giá mua kể cả thuế GTGT 10% là 20.000.000 đ.

Ta có:	Nợ 156	18.000.000 đ
	Nợ 133	2.000.000 đ
	Có 112	20.000.000 đ

# III. KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU (Tiếp...)

- Hàng đã mua nhưng chưa nhập kho:

Nợ TK 151

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 141, 331

**VD:** Mua một số thiết bị máy vi tính, thanh toán bằng chuyển khoản, giá mua chưa tính thuế GTGT 10% là 1 triệu đồng. Nhưng cuối tháng hàng vẫn chưa về.

Ta có: Nợ TK 151 1.000.000 đ

Nợ TK 133 100.000 đ

Có TK 111 1.100.000 đ

## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

- Sang kỳ này về hàng nhập kho:

Nợ TK 152,153 , 156

Có TK 151

**VD:** Hai cái laptop samsung trị giá 34.000.000 đ mua tháng trước chưa về đến doanh nghiệp, trong tháng sẽ về đến doanh nghiệp và sẽ nhập kho.

Ta có: Nợ TK 153                      34.000.000 đ

Có TK 151                      34.000.000 đ

## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

- Từ nhận viện trợ, biếu, tặng, nhận góp vốn liên doanh,...:

Nợ TK 152,153

Có TK 411

Hoặc Có TK 338

**VD:** Doanh nghiệp được cấp 1 thiết bị đóng gói hiện đại, trị giá 100.000.000 đ.

Ta có: Nợ 153                    10.000.000 đ

Có 411                    10.000.000 đ

# II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

## ★ Kế toán xuất kho:

*Xuất kho nguyên vật liệu (TK 152):*

- Sử dụng cho sản xuất sản phẩm:

Nợ TK 621

Hoặc Nợ TK 627

Nợ TK 641

Nợ TK 642

Có TK 152

## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

**VD:** Doanh nghiệp xuất nhiên liệu để trực tiếp sản xuất sản phẩm 5.000.000 đồng, cho quản lý phân xưởng 1.000.000 đồng, cho quản lý doanh nghiệp 2.000.000 đồng.

Nợ TK 621            5.000.000 đ

Nợ TK 627            1.000.000 đ

Nợ TK 642            2.000.000 đ

Có TK 152            8.000.000 đ

- Sử dụng cho các mục đích khác:

Nợ TK 154, 222, 138

Có TK 152

## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

↳ Chú ý: Khi xuất kho nguyên vật liệu đi góp vốn liên doanh theo giá thỏa thuận nên sẽ tạo ra khoản chênh lệch với giá xuất kho ghi trên sổ kế toán, kế toán hạch toán khoản chênh lệch vào TK 711 hoặc TK 811

*Xuất kho công cụ, dụng cụ (TK 153):*

- Sử dụng cho sản xuất kinh doanh:

+ Loại phân bổ 1 lần (100%):

Nợ TK 627, 641, 642...

Có TK 153

## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

**VD:** DN xuất kho công cụ vào sản xuất sản phẩm trị giá 12.000.000 đ.  
Phân bổ vào CPSX 6.000.000 đồng, cho QL PX 4.000.000 đồng, cho  
QLDN 2.000.000 đồng.

Ta có: Nợ TK 627                    6.000.000 đ  
          Nợ TK 641                    4.000.000 đ  
          Nợ TK 642                    2.000.000 đ  
          Có TK 153                  12.000.000 đ

+ Loại phân bổ 2 lần (50%):

          Nợ TK 142  
          Có TK 153

Và đồng thời phân bổ 50%:

          Nợ TK 627, 641, 642...  
          Có TK 142 (50%)



## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

**VD:** Xuất dùng công cụ thuộc loại phân bổ 2 lần theo giá thực tế : sử dụng cho phân xưởng I là 14.000.000 đ và cho phân xưởng II là 16.000.000 đ.

<u>Ta có:</u>	Nợ TK 142	30.000.000 đ
	Có TK 153	30.000.000 đ
	Phân xưởng I:	
	Nợ TK 142	14.000.000 đ
	Có TK 153	14.000.000 đ
	Phân xưởng II:	
	Nợ TK 142	16.000.000 đ
	Có TK 153	16.000.000 đ

## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

Phân xưởng II:

Nợ TK 142                    16.000.000 đ

Có TK 153                    16.000.000 đ

+ Loại phân bổ nhiều lần:

Nợ TK 142

Có TK 153

Đồng thời phân bổ:

Nợ TK 627, 641, 642...

Có TK 142

VD: Xuất công cụ dùng vào sx sản phẩm trị giá 15.000.000 đ, phân bổ dần vào chi phí sa tại PXSX: 15.000.000 đ (phân bổ 3 tháng).

## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

Ta có: Nợ TK 142                    15.000.000 đ

    Có TK 153                        15.000.000 đ

Tháng I: Nợ TK 627                5.000.000 đ

    Có TK 153                        5.000.000 đ

Tháng II: Nợ TK 627               5.000.000 đ

    Có TK 153                        5.000.000 đ

Tháng III: Nợ TK 627              5.000.000 đ

    Có TK 153                        5.000.000 đ

# II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

## CHỦ YẾU(Tiếp...)

### 2/.Kế Toán Quá Trình Sản Xuất:

#### a/. Khái niệm quá trình sản xuất:

- Quá trình sản xuất là quá trình sử dụng các yếu tố cơ bản với mục đích tạo nên các loại sản phẩm hoặc lao vụ, dịch vụ theo nhiệm vụ đã được xác định. Như vậy quá trình sản xuất cũng là quá trình phát sinh các khoản chi phí khác nhau để cấu thành nên sản phẩm hoặc lao vụ, dịch vụ.

## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

- Các khoản chi phí khác nhau để cấu thành nên sản phẩm hoặc lao vụ, dịch vụ bao gồm:
  - + Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.
  - + Chi phí nhân công trực tiếp.
  - + Chi phí nhân công trực tiếp.
  - + Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

### b/.Nhiệm vụ kế toán quá trình sản xuất:

- Phản ánh, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất sản phẩm về chủng loại, số lượng, chất lượng.
- Tính toán, tổng hợp đầy đủ, trung thực, kịp thời các khoản chi phí chi ra trong sản xuất, phục vụ cho việc tính giá thành sản xuất của sản phẩm.
- Tính toán, xác định đúng đắn, kịp thời giá thành sản xuất của sản phẩm hoàn thành.

# II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

## CHỦ YẾU(Tiếp...)

c/.Tài khoản kế toán sử dụng: (Các TK 621, 622 , 627 và TK 154)

★ Tài khoản 621 – Chi phí nguyên liệu,vật liệu trực tiếp:

- *Công dụng*: là TK dùng để tập hợp các chi phí NVL đã xuất dùng trực tiếp để sản xuất ra sản phẩm và kết chuyển cho từng đối tượng liên quan.

- *Kết cấu và nội dung TK 621*:

# II.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

## CHỦ YẾU(Tiếp...)

TK 621

- Trị giá thực tế nguyên liệu, vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất sản phẩm, hoặc thực hiện dịch vụ trong kỳ hạch toán.
- Kết chuyển trị giá nguyên liệu, vật liệu thực tế sử dụng cho sản xuất , kinh doanh trong kỳ vào bên Nợ TK 154 hoặc TK 631 và chi tiết cho các đối tượng kế toán để tính giá thành sản phẩm, dịch vụ;
- Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu vượt mức bình thường vào TK 632;
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu xuất dùng không hết được nhập hết được nhập lại kho.





## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

### ★ Tài khoản 622 – Chi phí công nhân trực tiếp:

- *Công dụng*: dùng để phản ánh số tiền lương và phụ cấp lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất, chế tạo sản phẩm hay thực hiện các lao vụ, dịch vụ cùng với các khoản trích theo quy định.
- *Kết cấu và nội dung TK 622*:

# III.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

## TK 622

Chi phí nhân công trực tiếp tham gia quá trình sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ bao gồm: tiền lương, tiền công lao động và các khoản trích trên khoản tiền lương tiền công theo quy định phát sinh trong kỳ.

-Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào bên Nợ TK 154 hoặc bên Nợ TK 631.

-Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vượt mức bình thường vào bên TK 632.



# III.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

## ★ Tài khoản 627 – Chi phí sản xuất chung:

- Công dụng: dùng để phản ánh những chi phí rất cần thiết còn lại để sản xuất sản phẩm hay các lao vụ, dịch vụ không phụ thuộc chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và công nhân trực tiếp.
- Kết cấu và nội dung TK 627:

# III.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

TK 627

Các chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ.

- Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất chung
- Chi phí sản xuất chung cố định không được ghi nhận vào GVHB trong kỳ do mức sản phẩm thực tế sản xuất thấp hơn công suất bình thường;
- Kết chuyển CPSXC về TK tính giá thành



# III. KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU (Tiếp...)

## ★ Tài khoản 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

- *Công dụng*: là TK dùng để tập hợp CPSX và tính giá thành sản phẩm gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.
- Kết cấu và nội dung TK 154:

# III.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

TK 154

Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ

Các chi phí tính vào giá thành sản phẩm thực tế phát sinh trong kỳ liên quan đến SX sản phẩm và chi phí thực hiện dịch vụ;

-Giá trị phế liệu thu hồi,gia trị sản phẩm hỏng không sửa được;

- Trị giá nguyên vật liệu,hàng hóa gia công xong nhập lại kho;

- Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí SX chung không được tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán.

- Giá thành của sản phẩm hoàn thành.

Tổng số phát sinh tăng

Tổng số phát sinh giảm

Chi phí SXKD dở dang cuối kỳ

# II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

## CHỦ YẾU(Tiếp...)

d/.Định khoản kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu:

Theo phương pháp kê khai thường xuyên:

★ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

- Sử dụng trực tiếp sản xuất sản phẩm:

Nợ TK 621

Có TK 152

VD: Xuất kho nguyên vật liệu chính sử dụng trực tiếp sản xuất sản phẩm trị giá 12.000.000 đ

Ta có: Nợ TK 621                   12.000.000 đ

                  Có TK 152               12.000.000 đ

## II.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

- Giao thẳng cho bộ phận sản xuất sử dụng (không vào kho):

Nợ TK 621

Nợ TK 133

Có TK 111 hoặc TK 112, TK 331....

VD: DN mua nguyên vật liệu trị giá 30.000.000 đ, thuế GTGT là 10%, thanh toán bằng tiền mặt, chuyển thẳng cho bộ phận sản xuất.

Ta có: Nợ TK 621            30.000.000 đ  
          Nợ TK 133            3.000.000 đ  
                  Có TK 111        33.000.000 đ



# II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

## CHỦ YẾU(Tiếp...)

### ★ Chi phí nhân công trực tiếp:

- Tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất, với trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ trên tổng số tiền lương đó:

Nợ TK 622

Có TK 334

Có TK 338

VD: Tổng số tiền lương cần phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm mới là 20.000.000 đ. Trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ tính vào chi phí trên theo qui định.

Ta có: Nợ TK 622                      20.000.000 đ

                    Có TK 334                      20.000.000 đ

## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

Nợ TK 622                    4.400.000 đ

    Có TK 338                    4.400.000 đ

- Nếu trích nộp BHXH, BHYT của công nhân trực tiếp sản xuất:

    Nợ TK 334

        Có TK 338

VD: Tổng số tiền lương cần phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm mới là 20.000.000 đ. Trích nộp BHXH, BHYT theo quy định là 6%.

Ta có:      Nợ TK 334                    1.200.000 đ

                Có TK 338                    1.200.000 đ



## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

Nợ TK 627                    220.000 đ

Có TK 338                    220.000 đ

- Khấu hao TSCĐ cho chi phí sản xuất:

Nợ TK 627

Có TK 152

Có TK 153

Có TK 214

Có TK 331

## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

**VD:** DN tính khấu hao TSCĐ trị giá 1.000.000 đ cho PXSX.

Ta có: Nợ TK 627                      1.000.000 đ

                    Có TK 214                      1.000.000 đ

★ Kế toán tập hợp chi phí các khoản giảm chi phí:

- Giảm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Nợ TK 152

                    Có TK 621

**VD:** Doanh nghiệp xuất kho nguyên vật liệu trị giá 20.000.000 đ cho quá trình sản xuất nhưng thực tế số NVL cần dùng chỉ có 15.000.000 đ. Số NVL thừa nhập kho trở lại.

## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

### CHỦ YẾU(Tiếp...)

Ta có: Nợ TK 152                    5.000.000 đ

          Có TK 621                    5.000.000 đ

- Giảm chi phí sản xuất chung:

          Nợ TK 152,153

Hoặc Nợ TK 111,112

          Có TK 627

**VD:** DN xuất kho công cụ, dụng cụ trị giá 10.000.000 đ để phục vụ cho PXSX, nhưng thực tế chỉ sử dụng có 5.000.000 đ số công cụ, dụng cụ đã xuất. Số còn lại nhập lại kho.

Ta có: Nợ TK 153                    5.000.000 đ

          Có TK 627                    5.000.000 đ

# II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

## CHỦ YẾU(Tiếp...)

★ Kết chuyển chi phí sản xuất để tính giá thành sản phẩm:

Nợ TK 154

Có TK 621

Có TK 622

Có TK 627

**VD:** Vật liệu sử dụng để SXSP 3.000.000 đ. Trích BHYT, BHXH, BHTN, KPCĐ tính vào chi phí theo qui định, biết tiền lương phải thanh toán cho CNSXSP 1.000.000 đ, NVPX 2.000.000 đ.

Ta có: Nợ TK 154                    3.660.000 đ

Có TK 621                    3.000.000 đ

Có TK 622                    220.000 đ (22% x 1.000.000 đ)

Có TK 627                    440.000 đ (22% x 2.000.000 đ)

## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

★ Kết chuyển giá thành sản phẩm hoàn thành:

Nợ TK 155

Nợ TK 157

Nợ TK 632

Có TK 154

VD: CPSXDD đầu kì 300.000 đ. Vật liệu sử dụng để SXSP 3.000.000 đ. Trích BHYT, BHXH, BHTN, KPCĐ tính vào chi phí theo qui định, biết tiền lương phải thanh toán cho CNSXSP 1.000.000 đ, NVPX 2.000.000 đ. Trong tháng sx hoàn thành 200 sp đã nhập kho thành phẩm. Biết CPSXDD cuối kì 200.000 đ.



## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

Ta có:  $GTĐV = (300.000 + 3.660.000 - 200.000) / 200 = 18.800 \text{ đ/sp}$

Nợ TK 155                      18.800 đ

Có TK 154                      18.800 đ

Nếu có thu hồi sản phẩm hỏng trong quá trình sản xuất:

Nợ TK 152

Nợ TK 632

Có TK 154

## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

*Công thức tính phân bổ chi phí sản xuất chung như sau:*

**Mức phân bổ CPSX chung cho từng đối tượng** = **Tổng CPSX chung của tất cả các đối tượng thực tế phát sinh** x **Tỉ lệ tiêu thức của từng đối tượng cần phân bổ**

---

**Tổng tiêu thức của tất cả đối tượng cần phân bổ**

## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

### 3/.Kế toán quá trình bán hàng và kết quả kinh doanh

a/. Khái niệm quá trình bán hàng và kết quả kinh doanh:

- Là quá trình mà đơn vị bán sản phẩm cho người mua để thu tiền về và xác định kết quả kinh doanh.

b/.Nhiệm vụ kế toán quá trình bán hàng:

- Phản ánh, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện bán hàng về chủng loại, số lượng, giá cả, chi phí bán hàng.

## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

- Hạch toán đầy đủ, chính xác tình hình cùng với chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng; tập hợp đầy đủ, kịp thời và phân bổ chính xác chi phí bán hàng cho hàng bán ra trong kỳ.

- Xác định kịp thời kết quả bán hàng của từng mặt hàng, từng loại sản phẩm,dịch vụ cũng như toàn bộ lợi nhuận về bán sản phẩm,hàng hóa, lao vụ.

# II.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

## CHỦ YẾU(Tiếp...)

### c/.Tài khoản kế toán sử dụng:

Kế toán sử dụng các tài khoản gồm: TK155, 156, 157, 632, 511, 531, 532, 641, 642, 911, 421 và các TK liên quan khác.

#### ★ Tài khoản 155 – Thành phẩm:

- *Công dụng*: dùng để phản ánh tình hình nhập, xuất và tồn kho của các loại thành phẩm.

- *Kết cấu và nội dung TK 155*:

# II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

## TK 155

SD: Trị giá thành phẩm tồn kho đầu kỳ

- Trị giá thực tế của thành phẩm nhập kho;
- Trị giá thành phẩm thừa khi kiểm kê;
- Kết chuyển trị giá thực tế của thành phẩm tồn kho cuối kỳ( trường hợp doanh nghiệp hạch toán HTK theo phương pháp KKDK)

-Trị giá thực tế của thành phẩm khi xuất kho;

-Trị giá thành phẩm thiếu khi kiểm kê;

-Kết chuyển trị giá thực tế của thành phẩm tồn kho cuối kỳ(trường hợp doanh nghiệp hạch toán HTK theo phương pháp KKDK)

Tổng phát sinh tăng

Tổng phát sinh giảm

# II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

## CHỦ YẾU(Tiếp...)

### ★ Tài khoản 156 – Hàng Hóa:

- *Công dụng*: dùng để nhập, xuất và tồn kho của các loại hàng hóa.
- *Kết cấu và nội dung*: TK 156

Trị giá hàng hóa tồn đầu tuần	Trị giá hàng hóa đã tiêu thụ hoặc trả lại
Trị giá hàng hóa mua vào	
TỔNG phát sinh tăng	TỔNG phát sinh giảm
Trị giá hàng hóa tồn cuối kỳ	

# II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

## ★ Tài khoản 632 – Hàng gửi đi bán:

- *Công dụng*: dùng để phản ánh toàn bộ hàng bán (chuyển hàng, hàng gửi đại lý, ký gửi)

- *Kết cấu và nội dung*:

TK 632

Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán trong kỳ

-Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa dịch bán trong kỳ sang TK 911

-Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.





# II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

## CHỦ YẾU(Tiếp...)

★ Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

- *Công dụng*: dùng phản ánh tổng số doanh thu bán hàng thực tế và các khoản giảm doanh thu.

- *Kết cấu và nội dung*: TK 511

---

- Các khoản giảm trừ doanh thu.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ
- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911	

X

# II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

★ Tài khoản 521, 531, 532: là các khoản giảm trừ doanh thu

TK 521, 531, 532

Số chiết khấu thương mại, doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ.	Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại. Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán sang TK 511
--	--



## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

### ★ Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng:

- *Công dụng*: dùng để tập hợp và phân bổ chi phí bán hàng
- *Kết cấu và nội dung*:

*TK 641*

Các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911



# II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

## CHỦ YẾU(Tiếp...)

### ★ Tài khoản 642 – Chi phí QLDN

- *Công dụng*: dùng dùng để tập hợp và phân bổ chi phí QLDN
- *Kết cấu và nội dung*:

TK 642

---

Tập hợp chi phí QLDN thực tế phát sinh trong kỳ	-Các khoản giảm chi phí QLDN -Cuối kỳ, kết chuyển chi phí QLDN vào TK 911
---	--

# II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

## CHỦ YẾU(Tiếp...)

### ★ Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh:

- Công dụng: dùng phản ánh kết quả kinh doanh theo từng hoạt động.
- Kết cấu và nội dung: TK 911

-Trị giá vốn của hàng hóa tiêu thụ trong kỳ

- Chi phí hoạt động tài chính

- Chi phí bán hàng và chi phí QLDN

- Kết chuyển lãi

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ.

- Doanh thu hoạt động tài chính.

-Kết chuyển lỗ.



# II.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

## CHỦ YẾU(Tiếp...)

### ★ Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối:

- *Công dụng*: dùng phản ánh kết quả hoạt động kinh dean của đơn vị và tình hình phân phối, xử lí kết quả đó.

- *Kết cấu và nội dung*: TK 421

- Số lỗ về hoạt động KD.

- Trích lập các quỹ

- Chia cổ tức ,lợi nhuận cho cổ đơng,các nhà đầu tư,...

- Bổ sung NVKD

- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

- Số lợi nhuận thực tế.

- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên số lỗ được cấp trên bù cho.

-Xử lí các khoản lỗ về hoạt động KD.

X

## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

d/.Định khoản kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu:

Theo phương pháp kê khai thường xuyên:

★ Kế toán tiêu thụ sản phẩm và xác định kết quả kinh doanh:

• Xuất kho thành phẩm hoặc hàng hóa bán trực tiếp:

- Giá vốn hàng bán:

Nợ TK 632

Có TK 155, 156

Hoặc Có TK 154

VD: Xuất kho thành phẩm ra tiêu thụ chưa thu tiền, biết trị giá vốn hàng bán là 110.000.000 đ.

## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

Ta có: Nợ TK 632                    110.000.000 đ

          Có TK 155                    110.000.000 đS

- Doanh thu bán hàng thu bằng tiền mặt, hay chấp nhận thanh toán:

Nợ TK 111 hoặc 112, 131

          Có TK 511

          Có TK 333

**VD:** Xuất kho hàng hóa ra tiêu thụ chưa thu tiền, giá thanh toán người mua phải trả 165.000.000 đ, trong đó giá bán 150.000.000 đ, thuế GTGT phải nộp 15.000.000 đ.



## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

Ta có: Nợ TK 131	165.000.000 đ
Có TK 511	150.000.000 đ
Có TK 333	15.000.000 đ

↳ Chú ý: Trường hợp DN tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì:

Nợ TK 111,112, 131

    Có TK 511

Nợ TK 511

    Có TK 333

- Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:



# II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

## CHỦ YẾU(Tiếp...)

- Hàng bán giảm giá cho khách hàng:

Nợ TK 532

Nợ TK 333

Có TK 111, 112, 131

**VD:** DN đã được công ty M chấp nhận mua 28.000 sản phẩm, biết giá bán 20.000 đ/sản phẩm, thuế GTG 10%, nhưng phải thỏa thuận giảm giá 2%.Toàn bộ thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

Ta có: Nợ TK 532	11.200.000 đ
Nợ TK 333	56.000.000 đ
Có TK 112	67.200.000 đ

## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

- Doanh thu hàng bán bị trả lại:

Nợ TK 531

Nợ TK 333

Có TK 111, 112, 131

**VD:** Công ty M chuyển trả lại 500 sản phẩm, đơn giá xuất kho 1.100 đ, đơn giá bán chưa thuế là 1.480 đ, thuế GTGT 10%.Chi tiền mặt trả lại cho công ty M.

Ta có: Nợ TK 531                      740.000 đ

        Nợ TK 333                        74.000 đ

                Có TK 111                814.000 đ

## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

- Cuối kỳ kết chuyển các khoản chiết khấu thương mại:

Nợ TK 511

Có TK 521

Có TK 532

Có TK 531

**VD:** Kết chuyển trừ vào doanh thu bán sản phẩm với tổng số tiền 20.000.000 đ. Biết chiết khấu thương mại 2%, giảm giá 3% và hàng bị trả lại là 1.000 sản phẩm với giá bán 19.000 đ/sản phẩm.

## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

Ta có: Nợ TK 511	20.000.000 đ
Có TK 521	400.000 đ
Có TK 532	600.000 đ
Có TK 631	19. 000.000 đ

- Chi phí bán hàng và chi phí QLDN:

- Chi phí nhân viên:

- Nợ TK 641

- Nợ TK 642

- Có TK 334

- Có TK 338

## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

**VD:** - Tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng 2.000.000 đ và nhân viên quản lý DN 3.000.000 đ. Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo tỉ lệ qui định.

Ta có: Nợ TK 641	440.000 đ
Nợ TK 642	660.000 đ
Có TK 334	425.000 đ

## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

- Chi phi khác:

Nợ TK 641, 642

Có TK 111, 112, 152, 153

Hoặc Có TK 214

Hoặc Có TK 331

**VD:** Chi phi khác bằng tiền mặt để quảng cáo cho sản phẩm mới ở bộ phận bán hàng 3.000.000 đ và bộ phận quản lý DN 4.000.000 đ.

Ta có: Nợ TK 641                      3.000.000 đ

        Nợ TK 642                      4.000.000 đ

        Có TK 111                        7.000.000 đ



## II.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

- Cuối kỳ kết chuyển chi phí và xác định kết quả kinh doanh:
- Cuối kỳ kết chuyển doanh thu bán hàng thuần trong kỳ:

Nợ TK 511

Nợ TK 512

Có TK 911

**VD:** DN bán hàng cho công ty N, trị giá bán chưa thuế là 370.000.000 đ. DN còn xuất kho thưởng cho nhân viên quảng cáo bán hàng, giá bán chưa thuế là 100.000 đ.

Ta có: Nợ TK 511                    370.000.000 đ

Nợ TK 512                            100.000 đ

Có TK 911                            370.100.000 đ

## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

- Cuối kỳ kết chuyển trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ:

Nợ TK 911

Có TK 632

**VD:** DN xuất kho 1000 sp với giá xuất kho là 9.000 đ/sp. Biết giá bán chưa thuế của DN là 9.000.000 đ và thuế GTGT là 10%.

Ta có: Nợ TK 911            9.000.000 đ

Có TK 632            9.000.000 đ

- Cuối kỳ kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác.

Nợ TK 515

Nợ TK 711

## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

- Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính, chi phí khác:

Nợ TK 911

Có TK 635

Có TK 811

- Cuối kỳ kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hàng:

Nợ TK 911

Có TK 8211

- Ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Nợ TK 8211

Có TK 3334

## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

- Cuối kỳ kết chuyển chênh lệch giữa bên Nợ với bên Có:

\_+ Bên Nợ > bên Có:

Nợ TK 911

Có TK 8212

+ Bên Nợ < bên Có:

Nợ TK 821

Có TK 911

➤ - Cuối kỳ kết chuyển chi phí bán hàng và chi phí QLDN:

Nợ TK 911

Có TK 641, 642

# II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

## CHỦ YẾU(Tiếp...)

➤ - Cuối kỳ tính kết quả hoạt động kinh doanh:

+ Kết chuyển lãi: Nợ TK 911

Có TK 421

+ Kết chuyển lỗ: Nợ TK 421

Có TK 911

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn bán hàng} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí QLDN}$$

# II.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

## CHỦ YẾU(Tiếp...)

★ Kế toán phân phối lợi nhuận:

- DN tạm trả cổ tức, lợi nhuận cho các nhà đầu tư:

Nợ TK 421

Có TK 111, 112

- Cuối năm, xác định và ghi nhận số cổ tức của cổ phiếu ưu đãi phải trả cho các cổ đông:

Nợ TK 421

Có TK 338

Khi trả: Nợ TK 338

Có TK 111, 112

## II/.KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU(Tiếp...)

- Thông báo xác định cổ tức và lợi nhuận còn phải trả cho các nhà đầu tư:

Nợ TK 421

Có TK 338

Khi trả: Nợ TK 338

Có TK 111, 112

- Tạm trích quỹ:

Nợ TK 421

Có TK 414, 415, 353, 418